

-(느)ㄴ다면서요?

nghe nói... phải không?

Xác nhận lại điều bạn đã được nghe kể. Được tạo từ các dạng câu tường thuật, nên chia theo từ loại y hệt như vậy.

Cách kết hợp

Loại từ	Dạng	Ví dụ
Động từ, gốc nguyên âm	-ㄴ다면서요?	가다 → 간다면서요?
Động từ, gốc phụ âm	-는다면서요?	먹다 → 먹는다면서요?
Tính từ	-다면서요?	좋다 → 좋다면서요?
이다	-(이)라면서요?	학생이라면서요?
Quá khứ	-았/었다면서요?	갔다면서요?
Dạng rút gọn trong văn nói	-다며?	간다며?

Khi nào dùng

Lấy dạng thường dùng trong câu tường thuật rồi thêm 면서요. Động từ thành -ㄴ다면서요 / -는다면서요, tính từ thành -다면서요, còn 이다 thành -(이)라면서요 — vẫn là thành viên bất quy tắc như trước. Quá khứ là -았/었다면서요.

Ba kiểu câu còn lại cũng tuân theo: mệnh lệnh thành -(으)라면서요, rủ rê thành -자면서요, câu hỏi thành -냐면서요.

Bạn dùng nó khi đã nghe điều gì đó và muốn xác nhận: 다음 달에 이사 간다면서요? Nó giả định người nghe biết chuyện, vì vậy nghe thân thiện hơn một câu hỏi trơn — bạn cho thấy mình có quan tâm.

Khi sự việc được kể mâu thuẫn với những gì bạn đang thấy, nó trở thành lời trách: 담배 끊는다면서요? nói với người đang hút thuốc. Dạng rút gọn trong văn nói là -다며?

Ví dụ trong câu

- 1 다음 달에 이사 간다면서요?

Nghe nói tháng sau bạn chuyển nhà phải không?
- 2 그 식당 정말 맛있다면서요?

Nghe nói nhà hàng đó ngon lắm phải không?
- 3 한국어를 아주 잘하신다면서요?

Nghe nói bạn nói tiếng Hàn rất giỏi.
- 4 어제 시험을 봤다면서요? 어땠어요?

Hôm qua bạn thi phải không? Thế nào rồi?
- 5 그분이 우리 선배라면서요?

Nghe nói anh ấy là tiền bối của mình, đúng không?
- 6 담배 끊는다면서요?

Chẳng phải bạn bảo là sẽ bỏ thuốc lá sao?

So sánh với

-대요
-대요 truyền đạt lại thông tin; -다면서요? hỏi chính người liên quan để xác nhận. Cùng nguồn, ngược hướng.

이사 간대요. (nghe nói anh ấy chuyển nhà) / 이사 간다면서요? (nghe nói bạn chuyển nhà à?)

-지요?
-지요? xác nhận điều bạn vốn đã tin; -다면서요? xác nhận điều bạn được nghe kể. Dạng sau ngầm cho biết nguồn tin.

이사 가지요? (bạn chuyển nhà, đúng không?) / 이사 간다면서요? (tôi nghe nói bạn chuyển nhà?)

-더라고요
-더라고요 kể lại điều chính bạn chứng kiến; -다면서요? xử lý điều bạn nghe gián tiếp. Tách bạch hai dạng giúp nguồn tin của bạn rõ ràng.

맛있더라고요. (tôi đã ăn ở đó) / 맛있다면서요? (nghe nói ngon à?)

Lưu ý

- ✗ 그 식당 맛있는다면서요?

○ 그 식당 맛있다면서요?

맛있다 ở đây thuộc nhóm tính từ, nên giữ nguyên -다. Chỉ động từ hành động mới dùng -ㄴ다 hoặc -는다.
- ✗ 그분이 우리 선배이다면서요?

○ 그분이 우리 선배라면서요?

이다 bất quy tắc trong các dạng tường thuật: nó thành -(이)라, như trong 학생이라고 해요.
- ✗ 부장님, 어제 회의에 안 왔다면서요?

○ 부장님, 어제 회의에 못 오셨다고 들었습니다.

Nói với người trên, nhất là về một điều trông như một thiếu sót, đuôi này nghe như buộc tội. Hãy thuật lại điều bạn nghe một cách trung tính.